

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU KHÓ KHĂN VÀ BIỂU HIỆN VƯỢT KHÓ CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG ĐỂ TIẾN TỚI XÂY DỰNG CHỈ SỐ VƯỢT KHÓ (AQ) CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG

Nguyễn Quang Uẩn - Nguyễn Thị Thủy

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Trong tâm lý học, người ta nói nhiều đến chỉ số thông minh Intelligence Quotient (IQ), chỉ số sáng tạo Creative Quotient (CQ), chỉ số trí tuệ cảm xúc Emotion Quotient (EQ). Gần đây, người ta bàn đến một chỉ số nói lên khả năng đặc biệt của con người, đó là chỉ số vượt khó Adversity Quotient (AQ). Chúng tôi chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu loại chỉ số này mà bước đầu thử tìm hiểu những biểu hiện chỉ số này trên người khuyết tật (NKT).

NKT nói chung và khuyết tật vận động (KTVĐ) nói riêng là một bộ phận dân số tồn tại khách quan trong xã hội. Tất cả các quốc gia đều quan tâm đến vấn đề NKT. Có thể nói, việc đảm bảo cho NKT hòa nhập với đời sống xã hội được xem là một trong các thước đo sự phát triển, tiến bộ của mỗi quốc gia.

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này là bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Trong điều kiện có hạn, chúng tôi bước đầu tiến hành nghiên cứu 42 người KTVĐ trên địa bàn Hà Nội (năm 2008-2009) với hi vọng chỉ ra các biểu hiện của khả năng vượt khó của họ. Từ đó đề xuất những biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm trợ giúp khả năng vượt khó ở họ. Với kết quả thu được có thể nghĩ đến phương hướng xây dựng chỉ số vượt khó AQ dành cho NKT loại này.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Người khuyết tật vận động

- Người KTVĐ là những người có cơ quan vận động bị tổn thương, biểu hiện đầu tiên là có khó khăn khi ngồi, nằm, cầm nắm, đi đứng, di chuyển.... Do đó, họ gặp rất nhiều khó khăn trong sinh hoạt cá nhân, học tập, lao động, vui chơi.... Tuy vậy, đa số người có khó khăn về vận động có não bộ phát triển bình thường.

- Nguyên nhân dẫn đến khuyết tật nói chung và KTVĐ nói riêng có thể chia thành 3 nhóm: Nguyên nhân trước khi sinh, nguyên nhân trong khi sinh và nguyên nhân sau khi sinh.

2.1.2. Khó khăn, các loại khó khăn

- Khó khăn có nghĩa là những cản trở, trở ngại. Khó khăn tâm lý là toàn bộ những nét tâm lý của cá nhân nảy sinh ở chủ thể trong quá trình hoạt động không phù hợp với những yêu cầu đặc trưng của một hoạt động nhất định, gây ảnh hưởng không có lợi cho quá trình và kết quả của hoạt động.

- Người KTVĐ gặp không ít khó khăn: Những khó khăn trong vận động, những khó khăn về mặt y học, những khó khăn về mặt thể chất -- sức khỏe, những khó khăn về mặt tâm lý, những khó khăn về mặt xã hội.

2.1.3. Vượt khó

Về phương diện tâm lý học, vượt khó là một hành động ý chí thể hiện ở việc nhận thức ra các khó khăn, có thái độ đúng trước những khó khăn, có những hành vi nỗ lực để vượt lên trên khó khăn, đảm bảo cuộc sống bình thường.

Các dấu hiệu vượt khó của người KTVĐ thể hiện ở 3 mặt sau:

- Về nhận thức: Trước hết, người KTVĐ nhận ra khó khăn của mình không chỉ về các loại khó khăn, nguyên nhân của khó khăn mà còn phải xem xét các khó khăn trong từng hoạt động cụ thể, tính toán các khả năng vượt khó của bản thân; xem xét kỹ các điều kiện để có thể vượt khó, đặc biệt là phải suy nghĩ, cân nhắc, tìm tòi, lựa chọn cách thức, phương pháp vượt khó; lựa chọn hoàn cảnh, thời điểm thích hợp để vượt khó.

- Về thái độ: NKT phải có thái độ bình tĩnh -- tự tin khi vượt khó; thận trọng, không liều lĩnh khi vượt khó; không xem thường việc vượt khó; không quá lo lắng khi phải đối diện với các khó khăn; mong muốn vượt khó và có ý chí, quyết tâm khắc phục khó khăn bằng hành vi vượt khó của bản thân.

- Về hành vi: Biết đề ra mục tiêu vượt khó, lập kế hoạch vượt khó, tìm các cách thức, phương tiện - điều kiện vượt khó, tiến hành vượt khó khắc phục mọi khó khăn để đi đến mục đích đã đề ra.

- Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến khả năng vượt khó của người KTVĐ. Có thể chia thành hai nhóm yếu tố: nhóm những yếu tố chủ quan thuộc về NKT như: yếu tố tâm lý, yếu tố sức khỏe, nghề nghiệp của bản thân NKT,...; nhóm những yếu tố khách quan như các yếu tố thuộc về gia đình NKT (kinh tế gia đình, sự đầm ấm yêu thương trong gia đình,...); những yếu tố thuộc về xã hội (sự giúp đỡ của cộng đồng, quan điểm của xã hội, các văn bản pháp lý liên quan đến NKT,...).

2.2. Kết quả khảo sát những khó khăn và khả năng vượt khó của người KTVĐ

2.2.1. Các loại tật vận động, thời gian khuyết tật

Bảng 1: Phân loại các loại khuyết tật vận động
(n = 42 người KTVĐ)

STT	Loại tật	Số người	%
1	Liệt hoặc mất 1 tay	5	11.9
2	Liệt hoặc mất 1 chân	14	33.3
3	Liệt hoặc mất 2 tay	0	0
4	Liệt hoặc mất 2 chân	3	7.1
5	Liệt hoặc mất cả 2 chân, 2 tay	2	4.8
6	Vẹo cột sống	9	21.4
7	Gù lưng	3	7.1
8	Khả năng thăng bằng kém	12	28.6
9	Dị dạng ở các chi	5	11.9
10	Cơ rút cơ, tay chân co quắp	4	9.5
11	Lê liệt	0	0
12	Bất toại	0	0
13	Loại khác	3	7.1

Số người KTVĐ “Liệt hoặc mất 1 chân” chiếm con số cao nhất với 14 người chiếm 33.3% trong tổng số 42 người KTVĐ được khảo sát. “Khả năng thăng bằng kém” là 12 người chiếm 28.6%. Các loại tật như: “Liệt hoặc mất 1 tay”, “Dị dạng ở các chi”, “Cơ rút cơ”, “Tay chân co quắp” hay “Liệt hoặc mất 2 chân” chiếm tỉ lệ ít hơn khoảng từ 7.1% đến 11.9%. Kết quả trên cho thấy các dạng KTVĐ loại nhẹ là: “Liệt hoặc mất 1 chân”, “Khả năng thăng bằng kém” và “Vẹo cột sống” chiếm tỉ lệ cao hơn. Trong số 42 người được khảo sát không có ai bị các dạng tật: “Liệt hoặc mất hai tay”, “Lê liệt” và “Bất toại”.

Bảng 2: Thời gian khuyết tật
(n = 42 người KTVĐ)

STT	Thời gian khuyết tật	Số người	%
1	Từ khi sinh ra	10	23.82
2	Từ 0-6 tuổi	19	45.23
3	Từ 6 tuổi trở đi	13	30.95

Số người từ khi sinh ra đã bị khuyết tật chỉ xếp thứ 3 với 10 người trong tổng số 42 người được khảo sát, chiếm 23.82%. Những người bị khuyết tật ngay từ những năm đầu đời (từ 0 đến 6 tuổi) chiếm nhiều nhất với 45.23%. Loại khuyết tật ở thời gian này có thể là do các tác động từ bên ngoài môi trường sống khiến họ bị tổn thương bộ phận nào đó trên cơ thể, cùng với việc không được điều trị kịp thời hoặc điều trị không đúng cách dẫn đến khuyết tật. Mặt khác, giai đoạn này các trẻ khuyết tật do cơ thể còn non yếu nên rất dễ mắc các loại bệnh thường xảy ra ở trẻ nhỏ. Những người bị khuyết tật từ sau 6 tuổi chiếm 30.95% số người được khảo sát.

2.2.2. Khó khăn của người KTVĐ

Nhìn một cách tổng quát thì trong hoạt động Lao động, NKT gặp nhiều khó khăn nhất với mức độ khó khăn trung bình là 3.39, xếp thứ bậc 1. Đứng thứ hai là trong Sinh hoạt hàng ngày, với \bar{X} là 3.02 điểm (đ).

Các hoạt động có khó khăn cao là Vui chơi và Các hoạt động khác với \bar{X} là 2.89đ và 2.88đ. Trong đó chủ yếu NKT gặp khó khăn ở mức độ “Tương đối khó khăn” và “Ít khó khăn”.

Ít gặp khó khăn nhất là hai hoạt động: Học tập (thứ bậc 6) và Giao tiếp với người khác (thứ bậc 5). Điều này cũng dễ hiểu bởi lẽ những người bị KTVĐ là những người có khuyết tật liên quan đến vận động, có thể ít bị ảnh hưởng đến trí tuệ. Ở hoạt động Giao tiếp với người khác, hai mức độ “Không khó khăn” và “Ít khó khăn” ở người KTVĐ chiếm tỉ lệ là 36.8% và 23.7%.

Xét chung trong tất cả các hoạt động thì người KTVĐ gặp khó khăn ở mức độ \bar{X} là 2.83đ, tức là gần với mức độ “Tương đối khó khăn”.

Bảng 3: Mức độ khó khăn trong các hoạt động do khuyết tật gây ra
 $(1 \leq \bar{X} \leq 5đ)$

Mức độ biểu hiện	Các hoạt động		Sinh hoạt hàng ngày	Học tập	Lao động	Vui chơi	Giao tiếp với người khác	Hoạt động khác	\bar{X} chung của các hoạt động
	Mức độ biểu hiện	Rất khó khăn	Số người	4	3	9	5	5	
%			9.8	8.1	23.7	13.2	13.2	15.2	
Khó khăn		Số người	11	5	8	6	4	4	
		%	26.8	13.5	21.1	15.8	10.5	12.1	
Tương đối khó khăn		Số người	12	7	11	13	6	12	
		%	29.3	18.9	28.9	34.2	15.8	36.4	
Ít khó khăn		Số người	10	8	9	8	9	6	
		%	24.4	21.6	23.7	21.1	23.7	18.2	
Không khó khăn		Số người	4	14	1	6	16	6	
		%	9.8	37.8	2.6	15.8	36.8	18.2	
Chung		Số người	41	37	38	38	38	33	
		\bar{X}	3.02	2.32	3.39	2.89	2.45	2.88	
		Thứ bậc	2	6	1	3	5	4	

2.2.3. *Vượt khó của người KTVĐ*: thể hiện trên 3 mặt: nhận thức, thái độ, hành vi.

a. Nhận thức về việc vượt khó

Mức độ chung của các biểu hiện nhận thức về việc vượt khó là $\bar{X} = 3.69đ$. Các biểu hiện trong nhận thức về các khó khăn của người KTVĐ có kết quả khảo sát gần tương đương nhau với điểm trung bình từ 3.33đ đến 3.84đ. Điều đó nói lên người KTVĐ nói chung có những khả năng nhận thức tương đối đúng về những khó khăn cũng như các yếu tố cần thiết về mặt tâm lý chuẩn bị cho hành vi vượt khó ở họ.

Bảng 4: Đánh giá chung về yếu tố nhận thức trong vượt khó của người KTVĐ
($1 \leq \bar{X} \leq 5d$)

STT	Các biểu hiện về nhận thức các khó khăn	\bar{X}	Thứ bậc
1	Nhận ra các khó khăn	3.33	6
2	Xác định ý chí, quyết tâm vượt khó	3.59	5
3	Tính toán các khả năng của bản thân để có thể vượt khó	3.82	2
4	Xem xét kĩ các khả năng của bản thân để có thể vượt khó	3.77	3
5	Xác định cách thức, phương pháp vượt khó phù hợp	3.84	1
6	Lựa chọn thời điểm phù hợp để vượt khó	3.76	4
\bar{X} chung của các biểu hiện nhận thức		3.69d	

b. Thái độ với việc vượt khó

Bảng 5: Đánh giá chung về các biểu hiện về thái độ vượt khó ở người KTVĐ
($1 \leq \bar{X} \leq 5d$)

STT	Các biểu hiện về thái độ đối với khó khăn và việc vượt khó khăn	\bar{X}	Thứ bậc
1	Luôn mong muốn vượt qua khó khăn	4.35	1
2	Có thái độ bình tĩnh khi vượt khó	4.16	3
3	Lạc quan, tự tin khi vượt khó	4.02	4
4	Không xem thường việc vượt khó	3.96	5
5	Không quá lo lắng khi vượt khó	3.85	7
6	Thận trọng, không liều lĩnh khi vượt khó	3.91	6
7	Có ý chí, quyết tâm khắc phục khó khăn để vượt khó	4.26	2
\bar{X} chung của các biểu hiện		4.07d	

Có thể nói, những yếu tố biểu hiện thái độ đối với việc vượt khó của người KTVĐ có điểm trung bình khá cao với $\bar{X} = 4.07d$. Điều đó nói lên thái độ đúng của người KTVĐ khi gặp khó khăn và việc vượt khó của bản thân họ. Những biểu hiện cụ thể là: Xếp thứ nhất là biểu hiện “Luôn mong muốn vượt qua khó khăn” với $\bar{X} = 4.35d$. Thứ bậc 2 là “Có ý chí, quyết tâm khắc phục khó khăn” ($\bar{X} = 4.26d$). Hai biểu hiện này nói lên sự mong muốn, khao khát

được vượt khó của người KTVĐ. Thái độ bình tĩnh khi vượt khó có điểm trung bình \bar{X} là 4.16đ. Biểu hiện có điểm trung bình thấp nhất đó là “Không quá lo lắng khi vượt khó” với \bar{X} là 3.85đ. Nhìn chung, biểu hiện thái độ vượt khó của người KTVĐ ở mức cao.

c. Hành vi vượt khó

Các hành vi vượt khó của người KTVĐ có điểm trung bình $\bar{X} = 3.68$ đ. Điều đó nói lên người KTVĐ có các hành vi vượt khó ở mức độ tương đối cao. Biểu hiện hành vi vượt khó của người KTVĐ mức độ cao nhất là việc “Tập luyện hàng ngày để giảm bớt khó khăn” với \bar{X} là 4.23đ. Xếp thứ bậc 2 của hành vi vượt khó là “Cố gắng khắc phục vượt lên những khó khăn có thể vượt được” với $\bar{X} = 4.21$ đ. Biểu hiện hành vi “Kết hợp với những NKT khác để phát huy thế mạnh của từng người” và “Học hỏi kinh nghiệm từ người khác” là những hành vi có điểm $\bar{X} = 4.13$ đ và $\bar{X} = 4.10$ đ xếp thứ bậc 3 và thứ bậc 4. “Dựa vào sự giúp đỡ của người khác” là một biểu hiện có điểm trung bình không cao như các biểu hiện khác khi mà \bar{X} chỉ bằng 3.01đ.

Biểu hiện “Cam phẫn chấp nhận khó khăn” là một biểu hiện thể hiện sự hạn chế của người KTVĐ trong quá trình vượt khó có \bar{X} bằng 2.44, xếp thứ bậc 10.

Bảng 6: Đánh giá chung về các hành vi vượt khó
($1 \leq \bar{X} \leq 5$ đ)

STT	Biểu hiện cụ thể các hành vi vượt khó	\bar{X}	Thứ bậc
1	Cố gắng khắc phục, vượt lên những khó khăn có thể vượt được (tự kiểm soát, tự quản lý,...)	4.21	2
2	Sử dụng các phương tiện hỗ trợ	3.41	8
3	Điều chỉnh hành vi cho phù hợp hoàn cảnh	3.91	5.5
4	Tập luyện hàng ngày để giảm bớt khó khăn	4.23	1
5	Kết hợp với người khuyết tật khác để phát huy thế mạnh của từng người	4.13	3
6	Dựa vào sự giúp đỡ của người khác	3.01	9
7	Học hỏi kinh nghiệm từ người khác	4.10	4
8	Tham gia các khóa học, lớp, câu lạc bộ cho người KTVĐ	3.43	7
9	Giúp đỡ người khuyết tật khác vượt khó trong khả năng có thể	3.91	5.5
10	Cam phẫn chấp nhận khó khăn	2.44	10
\bar{X} chung của các hành vi vượt khó		3.68đ	

2.3. Các biện pháp tâm lý – giáo dục trợ giúp người KTVĐ vượt khó

Các biện pháp chủ yếu nhằm làm tăng khả năng vượt khó của người KTVĐ, thể hiện qua 3 mặt: nhận thức, thái độ, hành vi vượt khó.

- Nhóm biện pháp 1: *Giúp cho người KTVĐ có nhận thức đầy đủ và đúng đắn hơn về sự vượt khó của bản thân, giúp người khác hiểu được sự vượt khó của NKT.*

+ Nội dung: Nhận ra các khó khăn; tính toán các điều kiện, các khả năng vượt khó; xác định cách thức, phương pháp vượt khó; lựa chọn thời điểm phù hợp để vượt khó.

+ Cách thức tiến hành: Tổ chức các buổi giao lưu để những người KTVĐ học hỏi lẫn nhau, học hỏi những tấm gương người KTVĐ. Tọa đàm, nói chuyện, thảo luận nhóm để mỗi người nói lên nhận thức về việc vượt khó của bản thân.

- Nhóm biện pháp 2: *Làm tăng niềm tin, ý chí quyết tâm và thái độ đúng đắn dẫn dắt với việc vượt khó của người KTVĐ để họ tự tin hòa nhập xã hội.*

+ Nội dung: Luôn mong muốn vượt qua khó khăn, có thái độ bình tĩnh khi vượt khó, lạc quan và tự tin khi vượt khó, không xem thường việc vượt khó, không quá lo lắng khi vượt khó, thận trọng khi vượt khó, có ý chí quyết tâm vượt khó.

+ Cách thức tiến hành: Các tổ chức người KTVĐ tổ chức các buổi gặp gỡ, các cuộc thi, các hoạt động khác cho NKT thể hiện niềm tin vượt qua khó khăn, thậm chí có thể liên hệ, tìm kiếm và giới thiệu những việc làm cho NKT, cung cấp các thông tin cần thiết về các công việc có liên quan đến NKT để NKT mạnh dạn hòa nhập, có niềm tin vào bản thân.

- Nhóm biện pháp 3: *Tạo mọi điều kiện khuyến khích, trợ giúp hành vi vượt khó cho NKT, giúp người KTVĐ có thể vượt khó tốt hơn.*

+ Nội dung: Cố gắng khắc phục, vượt lên những khó khăn có thể vượt được, điều chỉnh hành vi cho phù hợp hoàn cảnh, tập luyện hàng ngày, kết hợp với NKT khác khi vượt khó, học hỏi kinh nghiệm vượt khó từ người khác, giúp đỡ NKT khác vượt khó khi có thể. Các chế độ chính sách phù hợp với NKT, phối hợp các lực lượng giáo dục, các lực lượng xã hội, các cơ quan quản lý và gia đình giúp NKT vượt khó.

+ Cách thức tiến hành: Thành lập các trung tâm, tổ chức các lớp huấn luyện trợ giúp người KTVĐ vượt khó, các trung tâm phục hồi chức năng cho người KTVĐ. Tạo môi trường thân thiện, phù hợp để NKT có thể tiếp cận các dịch vụ xã hội, hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích và có đóng góp cho xã hội.

Những kết quả mà chúng tôi đã nghiên cứu phần nào đưa ra một số thông tin ban đầu thể hiện chỉ số vượt khó ở người KTVĐ. Tất nhiên, các yếu tố trong ba mặt nói trên cần tiếp tục được nghiên cứu sâu rộng hơn, được bổ sung, hoàn thiện để có được các cách đo và các chỉ số vượt khó của người KTVĐ. Ở đề tài này, chúng tôi chưa có đủ khả năng nêu lên mức độ vượt khó thể hiện chỉ số vượt khó (AQ) của người KTVĐ như các chỉ số đã được nghiên cứu nhiều trong tâm lý học như chỉ số trí tuệ IQ, chỉ số trí tuệ cảm xúc EQ, chỉ số sáng tạo CQ. Hi vọng vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu trên một mức độ sâu rộng hơn cả về lý luận và thực tiễn, để tiến tới có chỉ số vượt khó (AQ) giành cho người KTVĐ.

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị sau:

*** Với Nhà nước:**

Cần thành lập các trung tâm, hỗ trợ tư vấn về giáo dục; hỗ trợ về vật chất (tiền, phương tiện,...) cho người KTVĐ; có những văn bản pháp lý bảo vệ quyền lợi người KTVĐ, tạo môi trường giúp NKT có thể hoà nhập tích cực và bền vững vào các hoạt động cộng đồng một cách bình đẳng như tất cả mọi người.

*** Với các tổ chức NKT:** Mở các trung tâm phục hồi chức năng cho người KTVĐ; tổ chức các buổi giao lưu, học hỏi những tấm gương người KTVĐ; tìm kiếm và giới thiệu việc làm phù hợp cho người KTVĐ.

*** Với Xã hội:** Không kì thị, phân biệt đối xử với người KTVĐ, không lấy những khiếm khuyết của họ để thành kiến, định kiến mà cần nhìn vào năng lực của người KTVĐ để đánh giá đúng con người họ; tạo điều kiện giúp đỡ khi thấy người KTVĐ gặp khó khăn trong cuộc sống hàng ngày.

*** Với Gia đình người KTVĐ:** Có tình yêu thương, đùm bọc và chia sẻ những tâm tư, khó khăn trong cuộc sống với người KTVĐ; tận tình chăm sóc, giúp đỡ NKT về mọi mặt trong cuộc sống, nhất là trong những sinh hoạt hàng ngày và lao động; tạo điều kiện để NKT có cơ hội phục hồi phần nào những chức năng vận động.

*** Với bản thân người KTVĐ:** Cần có nhận thức đúng đắn về những khó khăn trong vận động, có ý thức phấn đấu vượt khó; có thái độ, niềm tin quyết tâm trong vượt khó; có những hành động vượt khó phù hợp trong mối quan hệ với sự trợ giúp, khuyến khích của gia đình, những người xung quanh, các tổ chức xã hội; tích cực rèn luyện để nâng cao khả năng vượt khó của bản thân.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Viện Nghiên cứu và phát triển xã hội (2007), *Báo cáo về cuộc điều tra quy mô về người khuyết tật ở Việt Nam*.
2. Liên hợp quốc - Ủy ban kinh tế và xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương (2000), *Quản lý các tổ chức tự lực của người khuyết tật*, NXB Chính trị quốc gia.
3. Paul G. Stoltz, *Adversity Quotient: Turning Obstacles into Opportunities (AQ: Xoay chuyển trở ngại thành cơ hội)*, website: <http://books.google.com.vn>.
4. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1999), *Pháp lệnh về người tàn tật*, NXB Chính trị quốc gia.
5. Websites: www.vietnamgateway.org - chuyên trang dành cho người khuyết tật.
www.pwd.vn - cổng thông tin điện tử của người khuyết tật Việt Nam.
www.ttsongdoclaphn.vn - website của Trung tâm sống độc lập của người khuyết tật Hà Nội.